TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN SƠN** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: **112**/2023/HNGĐ-ST Ngày 11/5/2023 V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN SƠN, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Mạc Văn Tuyến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Trần Duy Viễn - Giáo viên trường Tiểu học bán trú Hùng Lợi.

2. Bà: Nguyễn Thu Hà - Cán bộ văn phòng xã Chân Sơn.

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Vũ Thị Hồng Hạnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Sơn.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Mai Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 11/5/2023 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 229/2022/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 11 năm 2022 về việc "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 28 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 17 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Triệu Thị N, sinh năm 1982;

- *Bị đơn*: Anh Vi Văn H, sinh năm 1978;

Cùng địa chỉ: Thôn L, xã K, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

(*Chị N có đơn xin xét xử vắng mặt, anh H vắng mặt không có lý do*).

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Triệu Thị N trình bày*:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị và anh Vi Văn H kết hôn với nhau ngày 03/8/2004 có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Việc kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán địa phương. Cuộc sống chung vợ chồng ban đầu hạnh phúc, đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không tôn trọng và tin tưởng nhau, khi mâu thuẫn xảy ra vợ chồng sống ly thân nhau từ đó đến nay, trong thời gian sống ly thân vợ chồng không quan tâm gì đến nhau. Nay chị

xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh H, mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, trầm trọng đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vi Văn H.

- *Về con chung*: Trong quá trình chung sống chị và anh Vi Văn H có 02 con chung là cháu Vi Quốc H1, sinh ngày 27/11/2004, hiện đã trưởng thành và đang đi làm, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết và cháu Vi Quốc B, sinh ngày 18/10/2013, sau khi ly hôn chị đề nghị được nuôi dưỡng cháu Vi Quốc B và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản* chung: Chị Triệu Thị N xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- *Về vay nợ* chung: Chị Triệu Thị N xác định không có, nên không yêu cầu giải quyết.

** Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 06 tháng 12 năm 2022 anh Vi Văn H trình bày*:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh và chị Triệu Thị N kết hôn với nhau năm 2004, có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu, tự nguyện đi đến hôn nhân. Cuộc sống chung vợ chồng bình thường, không xảy ra mâu thuẫn vợ chồng, Nay chị Triệu Thị N xin ly hôn với anh, anh không nhất trí với yêu cầu xin ly hôn của chị N.

- *Về con chung*: Anh và chị Triệu Thị N có 02 con chung là cháu Vi Quốc H1, sinh ngày 27/11/2004, hiện đã trưởng thành, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết và cháu Vi Quốc B, sinh ngày 18/10/2013, nếu ly hôn quan điểm của anh H là cả hai vợ chồng cùng có trách nhiệm với con chung.

- *Về tài sản* chung: Anh Vi Văn H xác định do chưa nhất trí ly hôn, nên anh chưa có ý kiến về phần tài sản chung, trường hợp ly hôn thì vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về vay nợ chun*g: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- *Về tố tụng*: Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đối với bị đơn chưa chấp hành việc triệu tập của Tòa án.

- *Về nội dung*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Triệu Thị N, xử cho chị Triệu Thị N được ly hôn với anh Vi Văn H.

- *Về con chung*: Giao cháu Vi Quốc B, sinh ngày 18/10/2013 cho chị Triệu Thị N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Vi Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau ly hôn.

- *Về sản và vay nợ chung*: Chị Triệu Thị N và anh Vi Văn H không yêu cầu giải quyết, nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử buộc chị Triệu Thị N phải chịu án phí và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Nguyên đơn chị Triệu Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn anh Vi Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Triệu Thị N và anh Vi Văn H kết hôn với nhau từ năm 2004 có đăng ký kết hôn vào ngày 03/8/2004 tại UBND xã K, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Như vậy hôn nhân giữa chị Triệu Thị N và anh Vi Văn H là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án chị N xác định cuộc sống chung vợ chồng ban đầu hạnh phúc, đến năm 2020 phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Khi mâu thuẫn xảy ra vợ chồng không thể hòa hợp được, nên vợ chồng đã sống ly thân nhau từ đó đến nay.

Hội đồng xét xử thấy rằng do bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh H. Qua xác minh với chính quyền địa phương xác định cuộc sống chung vợ chồng giữa chị N và anh H có phát sinh mâu thuẫn và vợ chồng có đánh, cãi chửi nhau, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh H đã xảy ra cách đây khoảng 01 năm, hiện chị N và anh H đã sống ly thân. Vì vậy có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể tồn tại được một gia đình ấm no, bình đẳng, H phúc và tiến bộ. Do đó cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N với anh H là phù hợp với quy định tại Điều 56 - Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Chị Triệu Thị N và anh Vi Văn H có 02 con chung là cháu Vi Quốc H1, sinh ngày 27/11/2004, hiện đã trưởng thành, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết và cháu Vi Quốc B, sinh ngày 18/10/2013. Quá trình giải quyết vụ án chị N có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Vi Quốc B đến khi trưởng thành; anh H xác định nếu ly hôn cả hai vợ chồng cùng có trách nhiệm với con chung. Hội đồng xét xử thấy rằng tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định: "*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của*

con". Quá trình giải quyết vụ án qua hỏi ý kiến của cháu Bảo thì cháu Bảo có nguyện vọng được ở với chị N. Qua xác minh với chính quyền địa phương xác định điều kiện nuôi con chung thì chị N đi làm công nhân có thu nhập đảm bảo việc nuôi dưỡng cháu Bảo, còn anh H hiện tại không có việc làm ổn định, thường xuyên không quan tâm đến cháu Bảo, có lúc bỏ nhà đi hai đến ba ngày mới về, ngoài ra Hội đồng xét xử thấy rằng quá trình giải quyết vụ án chị N cung cấp bảng lương 03 tháng với mức thu nhập cụ thể: Tháng 01/ 2023 = 7.925.000đồng, tháng 02/2023 = 8.968.000đồng, tháng 3/2023 = 8.459.000đồng, với mức thu nhập như vậy chị N có đủ điều kiện nuôi dưỡng cháu Bảo. Do vậy để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển về mọi mặt của cháu Vi Quốc B cần giao cháu Vi Quốc B cho chị Triệu Thị N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Do chị Triệu Thị N không yêu cầu anh Vi Văn H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về sản và vay nợ chung*: Chị Triệu Thị N và anh Vi Văn H cùng xác định không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Chị Triệu Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 28; 35; 39; 147; 207; 227; 228; 235; 238; 266; 267; 271; 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

* **Tuyên xử**:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Triệu Thị N được ly hôn với anh Vi Văn H.

- *Về con chung*: Giao cháu Vi Quốc B, sinh ngày 18/10/2013 cho chị Triệu Thị N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Vi Văn H chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau ly hôn.

- *Về án phí*: Chị Vi Thị Năm phải nộp 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0004273, ngày 03/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Sơn, chị Triệu Thị N đã nộp đủ án phí.

Anh Vi Văn H không phải chịu án phí.

Chị Triệu Thị N và anh Vi Văn H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được hay niêm yết bản án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Yên Sơn;
- Chi cục T.H.A DS huyện Yên Sơn;
- UBND xã K (Nơi ĐKKH),
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mạc Văn Tuyến